

Đề thi lý thuyết Y5 2018-2019

Thời gian: 45 phút

Mã đề: 001

NGOẠI THẦN KINH 2019

- Câu 1.** Yếu tố dịch tễ phổ biến của xuất huyết dưới nhện tự phát, chọn câu đúng:
- A. Trẻ em cũng có khả năng bị xuất huyết dưới nhện
 - B. Trung niên xoay quanh 50 tuổi
 - C. Nữ giới có nguy cơ cao hơn
 - D. Tất cả các câu trên đều đúng
- Câu 2.** Xuất huyết dưới nhện tự phát phải nghĩ đến
- A. Có máu trong khoang dưới nhện từ CT sọ không cân quang
 - B. Bệnh cảnh lâm sàng điển hình xuất huyết dưới nhện
 - C. Chọc dịch não tủy xác định có màu hồng cầu
 - D. Tất cả các ý trên đều đúng
- Câu 3.** Triệu chứng của xuất huyết dưới nhện
- A. Đau đầu dữ dội xuất hiện đột ngột
 - B. Có thể kèm ói
 - C. Có thể mất ý thức kèm theo
 - D. Tất cả các câu trên đều đúng
- Câu 4.** Các dấu hiệu thực thể gợi ý màng não bị kích thích
- A. Đau gáy
 - B. Đau gượng
 - C. Cổ gượng
 - D. Tất cả các câu trên đều đúng
- Câu 5.** Bảng phân độ bệnh nhân XHDN tự phát theo Hunt-Hess hoặc WFNS có giá trị:
- A. Tiên lượng cho bệnh nhân
 - B. Giúp lựa chọn phương pháp điều trị phẫu thuật hay can thiệp mạch
 - C. Giúp lên kế hoạch theo dõi và điều trị cho bệnh nhân
 - D. Tất cả các câu trên đều đúng
- Câu 6.** Nguyên nhân thường gặp nhất của xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Chấn thương
 - B. Vỡ dị dạng mạch máu
 - C. Vỡ túi phình động mạch não
 - D. Tất cả các câu trên đều đúng
- Câu 7.** Diễn tiến sinh lý bệnh xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Tăng áp lực nội sọ
 - B. Tổn thương cơ chế điều hòa não
 - C. Co mạch não
 - D. A và C đúng

- Câu 8.** Cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán xuất huyết dưới nhện
- A. CT scan sọ không cản quang
 - B. MRI sọ não
 - C. Chọc dò dịch não tủy
 - D. Tất cả các phương tiện trên
- Câu 9.** Bệnh nhân nghi ngờ có xuất huyết dưới nhện mà CT sọ không cản quang âm tính cần làm
- A. Chọc dò dịch não tủy thất lưng
 - B. Chụp MRI sọ não dễ thực hiện hơn, tuy nhiên có giá trị thấp hơn
 - C. Lựa chọn chọc dò dịch não tủy hay MRI sọ não cân nhắc cho từng trường hợp cụ thể
 - D. Câu A và B đúng
- Câu 10.** Xét nghiệm giúp chẩn đoán xác định nguyên nhân xuất huyết dưới nhện tự phát:
- A. Chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền (DSA) 2D là tiêu chuẩn vàng
 - B. Chụp hình cộng hưởng từ mạch máu (MRA) có thuốc tương phản từ giúp xác định túi phình
 - C. CT tái tạo mạch máu não (CTA) có giá trị cao so với DSA
 - D. MRA không thuốc tương phản từ giúp xác định túi phình
- Câu 11.** Điều trị xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Điều trị giãn não thất cấp
 - B. Ngăn ngừa nguy cơ tái xuất huyết dưới nhện
 - C. Điều trị dự phòng co thắt mạch
 - D. Tất cả các câu trên đều đúng
- Câu 12.** Biến chứng muộn của xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Co thắt mạch gây khiếm khuyết thần kinh
 - B. Rối loạn điện giải giảm Natri hoặc tăng Kali
 - C. Giãn não thất muộn bắt buộc đặt dẫn lưu não thất ổ bụng
 - D. Tất cả các câu trên
- Câu 13.** Nguyên tắc điều trị túi phình trong xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Loại bỏ túi phình hoàn toàn nhằm ngăn ngừa nguy cơ tái xuất huyết
 - B. Loại bỏ túi phình càng sớm càng tốt
 - C. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn hơn trong mọi tình huống
 - D. Câu A và B đúng
- Câu 14.** Điều trị nội khoa xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình động mạch não
- A. Điều chỉnh huyết áp nhằm cân bằng nguy cơ tái vỡ và nguy cơ thiếu máu não
 - B. Dự phòng co thắt mạch
 - C. Điều trị an thần nhằm giảm lo lắng cho người bệnh
 - D. Điều trị tăng khả năng đông cầm máu
- Câu 15.** Chẩn đoán xuất huyết dưới nhện dựa vào:
- A. CT sọ não không cản quang trong vòng 72 giờ đầu khởi phát triệu chứng

- B. MRI sọ não không có cản từ trong vòng 72 giờ đầu khởi phát triệu chứng\
- C. Chọc dò dịch não tủy phát hiện máu đông
- D. CT sọ não phát hiện xuất huyết dưới nhện trong vòng 7 ngày sau khởi phát triệu chứng
- E. B C D đúng

Câu 16. Vị trí thường gặp của túi phình mạch máu não:

- A. Động mạch thông trước, động mạch đốt sống
- B. Động mạch cảnh trong, động mạch thông trước
- C. Động mạch cảnh trong, động mạch thông trước, động mạch não giữa
- D. Túi phình tuần hoàn sau chiếm khoảng 90% tổng số phình mạch
- E. Túi phình tuần hoàn trước chiếm khoảng 10% tổng số phình mạch

Câu 17. Điều trị túi phình động mạch não gây xuất huyết dưới nhện

- A. Cần có sự phối hợp can thiệp nội mạch và phẫu thuật thần kinh
- B. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn trên tất cả bệnh nhân
- C. Điều trị phẫu thuật kẹp ổ túi phình được lựa chọn một số vị trí
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 18. Điều trị can thiệp nội mạch trong xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình

- A. Tình trạng lâm sàng nặng
- B. Không có khối choán chỗ phối hợp
- C. Vị trí túi phình tuần hoàn sau
- D. Các vị trí thích hợp cho cả nội mạch và phẫu thuật thì nội mạch ưu tiên hơn

Câu 19. Biến chứng muộn của xuất huyết dưới nhện

- A. Co thắt mạch
- B. Giãn não thất
- C. Động kinh
- D. Tất cả các câu trên

Câu 20. Yếu tố thuận lợi co thắt mạch trong xuất huyết dưới nhện

- A. Xuất huyết não thất
- B. Tình trạng lâm sàng nặng
- C. Vị trí túi phình tuần hoàn sau
- D. Tất cả đều đúng

Câu 21. Điều trị nội khoa trong co thắt mạch

- A. Nimodipine có vai trò trong điều trị co thắt mạch sớm
- B. Nimodipine có vai trò điều trị co thắt mạch muộn
- C. Tăng truyền dịch
- D. Không ý nào đúng

Câu 22. Nguyên tắc điều trị túi phình trong xuất huyết dưới nhện tự phát

- A. Loại bỏ túi phình hoàn toàn
- B. Loại bỏ nguy cơ tái xuất huyết
- C. Loại bỏ túi phình bằng can thiệp nội mạch

D. A và B đúng

Câu 23. bệnh đầu nước nói chung. Chọn câu sai:

- A. Triệu chứng lâm sàng đôi khi khó chẩn đoán ở trẻ lớn và người lớn
- B. Có thể gây giảm thị lực và lè mắt
- C. Có thể diễn tiếp cấp tính gây vong
- D. Teo não là một trong những nguyên nhân gây bệnh đầu nước
- E. Dấu hiện “tái hấp thu dịch” quanh các sừng não thất bên cho thấy đầu nước đang diễn tiếp cấp tính

Câu 24. Bệnh đầu nước trẻ em

- A. Đa số trẻ có chỉ số IQ bình thường nếu được điều trị kịp thời
- B. Chấm dứt thai kì nếu phát hiện trước sanh vì đây là dị tật rất nặng
- C. Đầu to là dấu hiện đặc hiệu nhất
- D. Tiến triển bệnh nặng dần theo thời gian nếu không điều trị sớm ngay sau sanh
- E. Cho đến ngầy nay bệnh này chưa thể điều trị được

Câu 25. Cơ chế bệnh đầu nước. Chọn câu sai:

- A. Do tăng tiết quá mức dịch não tủy
- B. Do u tủy gây tắc nghẽn lưu thông
- C. Tình trạng kếp hấp thu DNT thường gặp sau viêm màng não, xuất huyết dưới nhện
- D. U đám rối mạch thường gây đầu nước thông thương
- E. Sự cân bằng giữa hấp thu, bài tiết DNT là tương đối

Câu 26. Liên quan đến bệnh đầu nước trẻ em:

- A. Ít khi được phát hiện ở 3 tháng đầu thai kì bằng siêu âm
- B. Yếu tố nguy cơ là do mẹ không uống acid Folic lúc mang thai
- C. Đường kính não thất AD > 10mm
- D. Tốt nhất nên sanh mổ chủ động nếu quyết định duy trì thai kì

Câu 27. Điều trị bệnh đầu nước. Chọn câu sai:

- A. Đầu nước do tắc nghẽn cống não là chỉ định tốt của nội soi
- B. Đầu nước sau viêm màng não thường được đặt VP shunt
- C. Đầu nước trong bệnh thoát vị tủy – màng tủy sẽ tự hết sau khi mổ khâu túi thoát vị
- D. Điều trị nội khoa ít hiệu quả
- E. Đa số trường hợp không cần điều trị do DNT sẽ tái lưu thông sau khi loại bỏ được nguyên nhân gây tắc nghẽn

Câu 28. Đặc điểm thoát vị tủy – màng tủy. chọn câu sai:

- A. Thường dễ phát hiện ngay sau sanh
- B. Gặp chủ yếu ở vùng cột sống ngực
- C. Có thể vỡ gây dò dịch não tủy
- D. Có liên quan đến nhiều yếu tố nguy cơ: mẹ trẻ tuổi, uống thuốc động kinh, đột biến gen...

E. Dễ nhiễm trùng nếu không can thiệp sớm

Câu 29. Dị tật cột sống chẻ đôi:

- A. Do sự khép ống thần kinh không hoàn toàn
- B. Xảy ra từ tuần 13-15 phôi thai
- C. Phân biệt dị tật kín hay hở dựa vào thành phần trong khối thoát vị
- D. Câu A,B đúng
- E. Câu A,C đúng

Câu 30. Dị tật cột sống chẻ đôi kín

- A. Bao gồm: thoát vị tủy – màng tủy – u mỡ, xoang bì, nang thần kinh – ruột...
- B. AFP, β HCG trong máu và dịch ối thường không tăng cao
- C. Siêu âm trong thai kì khó phát hiện hơn dị tật hở
- D. Câu A,C đúng
- E. Câu A,B,C đúng

Câu 31. Biểu hiện ngoài da ở vùng cột sống bị dị tật chẻ đôi. Chọn câu sai:

- A. Khối u mỡ dưới da
- B. Rậm lông
- C. Máu da thừa
- D. Hố lõm nhỏ vùng móm xương cụt
- E. Lỗ dò nhỏ

Câu 32. Hình ảnh siêu âm trong dị tật thoát vị tủy – màng tủy. Chọn câu sai:

- A. Dấu hiện “trái chanh” do hình ảnh của xương chẩm biến dạng lõ vào trong
- B. Dấu hiện “trái chuối” do hình ảnh của tiểu não bị khối thoát vị hạnh nhân tiểu đẩy tiểu não ra trước và xóa mất bể lớn tạo ra
- C. Trên 90% trường hợp nhìn thấy trực tiếp cột sống bị hở cung sau và có khối thoát vị ở sau cột sống
- D. Có thể nhìn thấy dị tật xương khớp kèm theo
- E. Dấu hiện não thất giãn rộng rất hay gặp

Câu 33. Với triệu chứng lâm sàng trên thì dây thần kinh nào bị thương tổn:

- A. Dây thần kinh giữa
- B. Dây thần kinh quay
- C. Dây thần kinh trụ
- D. Dây thần kinh cơ bì
- E. Tất cả đều sai

Câu 34. Cận lâm sàng nào nên thực hiện trên bệnh nhân này

- A. Điện cơ hai tay
- B. Chụp X quang khớp khuỷu tay(p) thẳng, nghiêng
- C. MRI cột sống cổ không cản từ
- D. A và B
- E. A và C

Câu 35. Vị trí chèn ép thần kinh nghĩ nhiều nhất trên bệnh nhân này là:

- a. Ống cổ tay
- b. Kênh Guyon
- c. Rãnh trụ, cung gân gấp cổ tay trụ
- d. Cung Frohse
- e. Tất cả đều sai

Câu 36. Nếu trên điện cơ cho thấy có thương tổn chèn ép mãn tính tiền triển thần kinh đi qua rãnh trụ thì hướng xử trí thích hợp là:

- a. Điều trị nội khoa, tập vật lý trị liệu
- b. Phẫu thuật cắt các giải xơ giải phóng thần kinh
- c. Phẫu thuật chuyển thần kinh ra phía trước
- d. Phẫu thuật ghép nối thần kinh
- e. Tất cả đều sai

Bệnh cảnh lâm sàng(câu 37-39): Bệnh nhân sau khi được tiêm thuốc tĩnh mạch ở bờ ngoài khuỷu tay trái tại phòng mạch tư thì thấy yếu tay trái nên nhập viện khám, khám tay trái phát hiện: không duỗi bàn tay cũng như các đốt ngón gần nhất, không duỗi và đang ngón tay cái, không ngửa cổ cò. Các chức năng khác của bàn tay bình thường

Câu 37. Dây thần kinh trên bệnh nhân này có khả năng tổn thương nhiều nhất là:

- a. Dây thần kinh quay
- b. Dây thần kinh giữa
- c. Dây thần kinh trụ
- d. Dây thần kinh bì cẳng tay trong
- e. Dây thần kinh gian ốt trước

Câu 38. Cận lâm sàng nào cần thiết nhất nên được thực hiện trong trường hợp này

- a. Đo điện cơ hai tay
- b. Cộng hưởng từ khảo sát dây thần kinh
- c. X quang xương cánh tay
- d. Siêu âm khảo sát động mạch bên tay trái
- e. Cộng hưởng từ khảo sát cột sống cổ

Câu 39. Thái độ xử trí trên bệnh nhân này

- a. Không cần xử trí gì chỉ theo dõi
- b. Tùy theo kết quả cận lâm sàng đáng giá mức độ tổn thương thần kinh sẽ cho hướng điều trị phù hợp
- c. Nếu tổn thương thần kinh là Neurapraxia thì cần phẫu thuật sớm giải ép thần kinh
- d. Nếu tổn thương là Axonotmesis thì cần phẫu thuật sớm giải ép thần kinh
- e. Nếu tổn thương là Neurotmesis thì chỉ cần điều trị nội và theo dõi đánh giá lại sau ... tuần

Bệnh cảnh lâm sàng(câu 40-45): bệnh nhân nam, 25 tuổi, bị té từ độ cao 5m chống hai gót chân khi tiếp đất, sau té bệnh nhân đau lưng nhiều và liệt 2 chân nên được sơ cứu tại bệnh viện huyện và viện tuyến trên: Khám: liệt hai chân nên được sơ cứu tại bv huyện và viện tuyến trên: khám

liệt 2 chân sức cơ 0/5, mất cảm giác sâu từ ngang bẹn trở xuống, đặt sone tiểu tuyến huyệt do có cầu bàng quang

Câu 40. Với cơ chế chấn thương như vậy các thương tổn thường gặp trên bệnh nhân này là:

- a. Chấn thương xương gót, xương đùi, cột sống lưng
- b. Chấn thương các tạng đặc như gan, lách thận
- c. Chấn thương tạng rỗng
- d. A+B đúng
- e. A+C đúng

Câu 41. Vị trí thương tổn cột sống trên bệnh nhân này ở mức khoản

- a. D 7
- b. D 10
- c. L 1
- d. L 5
- e. Tất cả đều sai

Câu 42. Phân loại Frankel trên bệnh nhân này

- a. A
- b. B
- c. C
- d. D
- e. E

Câu 43. cận lâm sàng nên được thực hiện trên bệnh nhân này tại cấp cứu

- a. X quang cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng
- b. Ctscan cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng
- c. MRI cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng
- d. A+B đều đúng
- e. A+C đều đúng

Bệnh cảnh lâm sàng (câu 44-45) hình ảnh CLS: trật ½ thân đốt sống phía trên so với đốt dưới và chèn vào ống sống gây chèn ép vào bao màng cứng của tủy

Câu 44. Theo phân loại của Denis đây là loại gãy gì

- a. Gãy lún thân
- b. Gãy vỏ thân
- c. Gãy trật
- d. Gãy kiểu dây đai
- e. Tất cả câu trên đều sai

Câu 45. Với hình ảnh cận lâm sàng này thì hướng điều trị tốt nhất cho bệnh nhân là

- a. Nhập khoa ngoại thần kinh theo dõi và điều trị nội
- b. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống
- c. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống với nẹp vis cố định cột sống

- d. Nhập nội thần kinh điều trị nội và tập vật lý trị liệu
- e. Tất cả đều sai

Câu 46. Hội chứng đuôi ngựa(Cauda Equina Syndrome) chọn câu sai

- a. Có thể thấy tất cả các triệu chứng của các bệnh lý rễ L4, L5 và S1
- b. Có thể thấy tất cả có dấu hiệu của các bệnh lý rễ L4, L5 và S1
- c. Có thể thấy tất cả các triệu chứng và dấu hiệu của các bệnh lý rễ L4, L5 và S1
- d. Có thể thấy tất cả các triệu chứng và dấu hiệu của các bệnh lý rễ L4, L5, S1, Saddle Anesthesia(mất cảm giác vùng da tiếp xúc yên ngựa) và rối loạn cơ vòng
- e. Cơ may hồi phục cơ vòng 100% nếu được phẫu thuật cấp cứu giải ép chèn rễ thần kinh đuôi ngựa trong vòng 24 giờ kể từ lúc khởi phát

Câu 47. Hội chứng chèn ép tủy cổ mãn tính chọn câu sai

- a. Tê và đau dọc tay kèm teo một nhóm cơ do một rễ hoặc nhiều rễ bị chèn ép
- b. Yếu hoặc liệt tay và chân tùy theo mức độ chèn ép tủy cổ
- c. Tăng phản xạ gân xương kèm theo dấu rung giật bàn chân hoặc phản xạ tự động tủy
- d. Có hoặc không dấu hiệu Hoffmann & Babinski tùy mức độ chèn ép tủy
- e. CT hoặc MRI là chọn lựa đầu tiên(first test) xác định chẩn đoán nguyên nhân

Câu 48. Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ có liệt vận động cơ deltoid diễn tiến nhanh, chọn câu đúng

- a. Liệt động tác nâng cánh tay
- b. Đau kèm tê mặt ngoài vai và phần trên- ngoài cánh tay
- c. Giảm hoặc mất phản xạ gân xương cơ nhị đầu
- d. Chụp MRI cột sống cổ là chọn lựa đầu tiên(first test) xác định chẩn đoán
- e. Tất cả đều đúng

Câu 49. Bệnh nhân nam, 31 tuổi, đến khám vì yếu và tê dọc hai chân. Cần tìm dấu hiệu gì, chọn câu đúng

- a. Thay đổi phản xạ gân xương gối & gót với búa gõ phản xạ đúng tiêu chuẩn và tư thế tìm phản xạ đúng
- b. Vùng thay đổi cảm giác da theo dermatome hoặc mức giảm cảm giác da bụng, da ngực
- c. Saddle anesthesia hoặc rối loạn cơ vòng
- d. Babinski sign
- e. Tất cả đều đúng

Câu 50. bệnh nhân nam, 31 tuổi, đến khám vì yếu và tê dọc hai chân. Kết quả khám lâm sàng, sức cơ 4/5 chân trái kèm giảm cảm giác sâu, chân phải sức cơ 5/5, có giảm cảm giác nông, cả hai chân đều tăng phản xạ gân xương ở gối và gót, tăng trương lực cơ, có rung giật bàn chân. Mức giảm cảm giác từ phía dưới vú. Chọn câu đúng

- a. Hội chứng chèn ép rễ thần kinh đuôi ngựa(Cauda Equina Syndrome)
- b. Hội chứng tháp
- c. Hội chứng Brown-Séquard
- d. Tất cả đều sai

e. Tất cả đều đúng

Câu 51. Bệnh nhân nam, 60 tuổi, đau thắt lưng kèm đau dọc chân trái. Dáng đi còng lưng, đau theo rễ L5 và S1 trái. Cơ cơ cạnh gai sống bên trái. MRI cột sống thắt lưng có thoát bị đĩa đệm L4-L5 và đi lệch thân L4 ra trước 2mm. Chọn câu đúng

- a. X quang cột sống nghiêng cúi, nghiêng duỗi(hyperextension) là cần thiết tìm sự mất cứng(gia tăng độ trượt > 4mm)
- b. Đo loãng xương là cần thiết hơn
- c. A và B đúng
- d. A và B đều sai
- e. Tùy kế hoạch điều trị

Câu 52. Bệnh nhân vào viện sau tai nạn giao thông, thăm khám ghi nhận như sau: nằm nhắm mắt, vật vã, lay gọi không mở mắt, kích thích đau mở mắt 2 đ, la hét, gạt tay người khám 5 đ, có thang điểm glasgow chọn câu đúng: E2,M5,V3

- a. 7
- b. 8
- c. 9
- d. 10**
- e. 11

Tình huống lâm sàng(dùng cho câu 53,54,55): bệnh nhân nam, 30 tuổi vào cấp cứu do đi xe hai bánh tông vào cột điện. Lúc vào viện..... nhận bệnh nhân lơ mơ, GCS=12 điểm, vết thương cùng tán chảy máu nhiều kèm theo nhu mô não

Câu 53. Chẩn đoán lâm sàng hợp lý trên bệnh nhân này

- a. Vết thương sọ não
- b. Lún sọ hở
- c. Vết thương sọ não hở**
- d. Chưa đủ dữ kiện lâm sàng để chẩn đoán xác định

Câu 54. Nếu sau khi thăm khám kỹ lại vết thương và có kết quả CT-Scanner, chẩn đoán xác định trên bệnh nhân này là vết thương sọ não, phương pháp điều trị đúng là

- A. Khâu vết thương tại phòng cấp cứu, dùng kháng sinh và cho về nhà
- B. Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não
- C. Nhập viện, phẫu thuật cấp cứu và dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não**
- D. Nhập viện dùng kháng sinh dự phòng và phẫu thuật sau tuần 1 tuần
- E. Nhập viện theo dõi và phẫu thuật khi có biến chứng

Câu 55. Trong những ngày đầu, biến chứng thường gặp và nguy hiểm đối với bệnh nhân này là

- A. Abscess não
- B. Viêm màng não**
- C. Viêm trùng huyết
- D. Viêm não thất

E. Động kinh

Câu 56. Những dấu hiệu nguy cơ thấp ủa tổn thương trong sọ sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng

A. Co giật

B. Côn ói

C. Đau đầu

D. Lơ mơ

E. Mất trí nhớ

Câu 57. Tổn thương nguyên phát trong chấn thương sọ não, chọn câu sai

A. Máu tụ ngoài màng cứng

B. Dây não

C. Nứt sọ

D. Tổn thương sợi trục lan tỏa

E. Dập thân não

Câu 58. Bệnh nhân nữ 75 tuổi được đưa vào bệnh viện sau một tai nạn giao thông do va chạm với xe tải. khám lâm sàng ghi nhận: BỆNH NHÂN mê GCS=6 điểm, đã đặt nội khí quản và đang bóp bóng, đồng tử 2 bên 4mm, phản xạ ánh sáng yếu, Mạch: 60 lần/phút, HA:80/60 mmhg, sung nề vùng trán 2 bên. **CT scan sọ não; dập não lan tỏa kèm máu tụ trong não trán hai bên, phù não lan tỏa. phương pháp điều trị đúng nhất**

A. Phẫu thuật cấp cứu mở sọ trán hai bên ;ấy máu tụ và giải ép

B. Điều trị lại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tình trạng trí giác, dấu hiệu hồi sinh và dấu thần kinh khu trú

C. Theo dõi, chụp là Ctscan sau 24 giờ

D. Phẫu thuật sau 24 giờ

Câu 59. Những dấu hiệu nguy cơ trung bình của tổn thương trong sọ sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

A. Đau đầu

B. Chóng mặt

C. Không có triệu chứng

D. Co giật

E. Sung bầm vùng đầu

Câu 60. Những nhận định sau đây về u não, chọn câu sai:

A. Khoảng 50% khối u ở não là do di căn

B. Kết quả của việc điều trị phẫu thuật thường không khả quan do liên quan đến hệ thần kinh trung ương

C. Việc điều trị u não hiện nay là kết hợp của nhiều phương pháp phẫu thuật, hoá trị, xạ trị

D. Khối u não hiện nay được chẩn đoán sớm hơn nhờ sự áp dụng CT, MRI rộng rãi

E. Hiện nay tỉ lệ khối u ở não đang gia tăng do các bệnh nhân ung thư có thời gian sống còn lâu hơn

Câu 61. Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não dưới lều, chọn câu đúng:

- A. Mất trí nhớ
- B. Co giật
- C. Dáng đi loạng choạng
- D. Yếu liệt
- E. Thờ ơ, ít tiếp xúc

Câu 62. Máu tụ dưới màng cứng cấp tính sau chấn thương chọn câu đúng:

- A. Nằm giữa bản trong xương sọ và màng cứng
- B. Nguyên nhân là do đập não
- C. Chỉ định mổ khi bề dày máu tụ $\geq 5\text{mm}$
- D. Hầu như phải mổ nếu thể tích máu tụ $> 30\text{cm}^3$
- E. Chỉ định mổ khi bề dày máu tụ $\geq 10\text{mm}$

Câu 63. Tình huống lâm sàng: bệnh nhân nữ 60 tuổi, được đưa đến bv sau 1 tai nạn giao thông, khám ls ghi nhận: tỉnh, tx chậm, GCS 14, sưng to vùng thái dương P. **CLS: máu tụ dưới màng cứng bán cầu T bề dày khoảng 6mm, đường giữ lệch sang P 5mm.** CD điều trị đúng nhất:

- A. Mổ cấp cứu, mở sọ lấy máu tụ dưới màng cứng bc não T
- B. Điều trị tại khoa hồi sức, thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác, dấu tk khu trú
- C. **Nhập viện theo dõi tri giác, dấu tk khu trú**
- D. Mổ cấp cứu, mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng P và dưới màng cứng T
- E. PT sau 24h

Câu 64. Những **dấu hiệu nguy cơ cao** của tổn thương trong sọ trong chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Co giật
- B. Đau đầu tăng dần
- C. Chóng mặt
- D. Dấu hiệu vỡ sán sọ
- E. **Dấu thăng kinh khu trú**

Câu 65. Những tiêu chí cho việc theo dõi tại nhà đối với người bệnh sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng

- A. Sung bầm da đầu nghiêm trọng
- B. Nói lúc đúng, lúc sai
- C. **Chóng mặt, Ctscan sọ não bình thường**
- D. Bệnh nhân có nhà ở gần bệnh viện
- E. Có tình trạng say rượu

Câu 66. Máu tụ ngoài màng cứng cấp tính sau chấn thương, chọn câu sai

- A. Nằm giữa bản trong xương sọ và màng cứng
- B. Thường do nứt xương sọ
- C. **Nguyên nhân thường do rách động mạch não giữa**
- D. Hầu như phải mổ nếu thể tích máu tụ $> 30\text{cm}^3$

- E. Rách động mạch màng não giữa thường là nguyên nhân của máu tụ cùng thái dương

Câu 67. Chính định chụp CT-Scan sọ não trong CTCSN, điều nào sau đây không đúng

- A. Bệnh nhân lơ mơ, nói nhảm
B. Chảy máu mũi
C. Ói nhiều
D. Chảy dịch trong ra mũi
E. Đau đầu nhiều và liên tục

Câu 68. Sau chấn thương sọ não 3 tháng, người bệnh thấy có biểu hiện đỏ mắt và nghe âm thổi trong đầu. Nguyên nhân thường gặp, chọn câu đúng

- A. Do rò động mạch cảnh xoang hang
B. Do có túi giả phình của động mạch cảnh trong xoang hang
C. Do tổn thương giác mạc
D. Do xuất huyết sau nhân cầu

Câu 69. Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não cùng đỉnh, chọn câu sai:

- A. Yếu % người
B. Co giật
C. Mùi vỏ não
D. Tê % người

Câu 70. Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não vùng đỉnh, chọn câu sai:

- A. Yếu $\frac{1}{2}$ người
B. Co giật
C. Mùi vỏ não
D. Tê $\frac{1}{2}$ người